

**Số: 134/2020/QĐST-HNGĐ**

K, ngày 11 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số 161/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Thế B, sinh năm 1977; ĐKKH và chỗ ở: Xóm 11, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Chị Vũ Thị Hoài T, sinh năm 1983; ĐKKH và chỗ ở: Xóm 11, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 11 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Thế B với chị Vũ Thị Hoài T.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con: Anh Trần Thế B và chị Vũ Thị Hoài T thỏa thuận vợ chồng ly hôn anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Trần Minh T1, sinh ngày 08/02/2005; chị T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh B. Chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Trần Thị Kiều D, sinh ngày 25/6/2003 và Trần Chí K, sinh ngày 23/02/2011; anh B có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T cụ thể: Đối với con chung Trần Thị Kiều D là 1.000.000<sup>d</sup>/1tháng; đối với con chung Trần Chí K là 1.500.000<sup>d</sup>/1tháng

kể từ tháng 11/2020 đến khi cả hai con chung thành niên; không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về án phí: Anh Trần Thế B và chị Vũ Thị Hoài T thỏa thuận để anh Bẫy nộp toàn bộ án phí ly hôn là 150.000<sup>d</sup> và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000<sup>d</sup>, tổng số tiền án phí phải nộp là 300.000<sup>d</sup>, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2427 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Bẫy không nộp số tiền phải nộp nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**THẨM PHÁN**

***(Đã ký)***

**PHẠM THẾ ANH**